

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TÀI
Số: 30/2020/TT-BGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2020

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 như sau:

“3. Báo cáo Bộ Giao thông vận tải tình hình thực hiện quy hoạch các cảng hàng không, sân bay hàng năm hoặc khi được Bộ Giao thông vận tải yêu cầu, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch các cảng hàng không, sân bay;

b) Nội dung báo cáo: các nội dung liên quan đến tình hình thực hiện quy hoạch các cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Mẫu số 15 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần suất báo cáo: định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 20 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: theo quy định tại Mẫu số 15 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 như sau:

“4. Báo cáo Cục Hàng không Việt Nam tình hình thực hiện quy hoạch các cảng hàng không, sân bay hàng năm hoặc khi được Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch các cảng hàng không, sân bay;

b) Nội dung báo cáo: các nội dung liên quan đến tình hình thực hiện quy hoạch các cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Mẫu số 15 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần xuất báo cáo: định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 18 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: theo quy định tại Mẫu số 15 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”.

3. Sửa đổi tên Điều 17 và sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 17 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 17 như sau:

“Điều 17. Thủ tục giao đất tại cảng hàng không, sân bay”

b) Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 17 như sau:

“c) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;”.

4. Sửa đổi tên Điều 18 và sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 18 như sau:

“Điều 18. Thủ tục cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất tại cảng hàng không, sân bay”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 18 như sau:

“b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18 như sau:

“3. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không ban hành quyết định cho thuê đất theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; tiến hành bàn giao đất trên thực địa và lập biên bản bàn giao theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; gửi quyết định cho thuê đất, hồ sơ đề nghị thuê đất của tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền của địa phương để đề nghị ban hành đơn giá thuê đất theo quy định.”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 như sau:

“4. Sau thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn giá thuê đất, Cảng vụ hàng không ký hợp đồng thuê đất theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”.

5. Sửa đổi tên Điều 20 và sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 20 như sau:

“Điều 20. Gia hạn cho thuê đất tại cảng hàng không, sân bay”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 20 như sau:

“b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất; chứng từ đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định của pháp luật của năm gần nhất;”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20 như sau:

“4. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không ban hành quyết định gia hạn cho thuê đất theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; gửi quyết định gia hạn cho thuê đất, hồ sơ đề nghị thuê đất của tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền của địa phương để đề nghị ban hành đơn giá thuê đất theo quy định.”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 20 như sau:

“5. Sau thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đơn giá thuê đất, Cảng vụ hàng không ký hợp đồng thuê đất theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

“Điều 26. Yêu cầu đối với giao thông trong cảng hàng không, sân bay

1. Đường giao thông trong cảng hàng không, sân bay bao gồm:

- a) Đường giao thông nội bộ trong sân bay;
- b) Đường giao thông nội bộ trong cảng hàng không.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm xây dựng, bảo trì, sửa chữa đường giao thông nội bộ trong sân bay và đường giao thông nội bộ trong cảng hàng không.

3. Giao thông trong sân bay tuân thủ theo tài liệu khai thác sân bay.”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 36 như sau:

“b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay; chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của chủ sở hữu cảng hàng không, sân bay là cá nhân;”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 39 như sau:

“2. Trong thời hạn 08 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác sân bay, bao gồm các nội dung sau:

- a) Các yếu tố bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, tiêu chuẩn dịch vụ;
- b) Việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của sân bay theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc công nhận;
- c) Danh mục không đáp ứng (nếu có);
- d) Kiểm chứng các điều kiện thực tế của sân bay đối với tài liệu khai thác.”.

9. Bổ sung Điều 39a như sau: